

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28/7/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐL, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga

2. Ông Đoàn Công Hòa

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2022/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2022; về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị Thúy K, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ 6, Ấp B, xã L, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Cao Thế T, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số nhà 12, tổ 3, thôn 1, xã S, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

*Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn không có lý do chính đáng cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Cao Thị Thúy K trình bày:*

Chị Cao Thị Thúy K, anh Cao Thế T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại UBND xã S, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn chị K, anh T sinh sống tại huyện LT, tỉnh Đồng Nai đời sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tình tình không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong việc giải quyết các vấn đề của cuộc sống. Mặc dù chị K, anh T đã tự động viên, an ủi nhau thay đổi để chung sống nhưng không có kết quả. Vào khoảng tháng 4/2019 anh T bỏ về lại xã S sinh sống, cũng kể từ đó chị K, anh T sống ly thân cho đến nay. Trong quá trình sống ly thân chị K, anh T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc gì nhau. Hiện nay chị K không còn tình cảm với anh T và không muốn tiếp tục chung sống với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Quá trình chung sống chị K, anh T có một người con chung là Cao Thúy A, sinh ngày 09/12/2019. Kể từ khi sống ly thân cho đến nay cháu A do chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị K có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Hiện nay chị K làm nghề công nhân, thu nhập bình quân 7.000.000 đồng, ngoài ra không có thu nhập gì khác. Hiện chị K đang sống chung với nhà mẹ ruột. Còn anh T làm nghề sửa chữa nông cụ, thu nhập bao nhiêu thì chị K không rõ và anh T cũng đang sống chung với cha mẹ ruột tại xã S.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh Cao Thế T:*

Trong quá trình chuẩn bị xét xử mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia, không có ý kiến gửi Tòa án, do đó Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

*Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2022 bút lục số 28 thể hiện:*

Anh Cao Thế T, sinh năm 1982 có hộ khẩu tại xã S, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận và hiện đang cư trú tại số nhà 12, đường TT, tổ 3, thôn 1, xã S, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

*Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL:*

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị K được ly hôn với anh T, giao con chung cho chị K nuôi dưỡng và anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Cao Thế T có nơi thường trú tại thôn 1, xã S, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Cao Thị Thúy K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Cao Thế T nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lên đến lần thứ hai nhưng vắng mặt bị đơn anh Cao Thế T không có lý do chính đáng, cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt nguyên đơn chị Cao Thị Thúy K nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Cao Thị Thúy K, anh Cao Thế T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 06 tháng 11 năm 2017, số vào sổ 76 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện ĐL đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị K, anh T chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong quá trình giải quyết các vấn đề của cuộc sống mặc dù đã tự động viên an ủi nhau thay đổi để chung sống hạnh phúc nhưng không có kết quả nên sống ly thân. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị K không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Bản thân anh T trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều không tham gia, cũng không có ý kiến gửi Tòa án, để Tòa án hòa giải đoàn tụ chứng tỏ anh T không còn tha T cuộc sống hôn nhân hiện tại nên bỏ mặc. Từ đó, thấy rằng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị K, anh T đã kéo dài, hạnh phúc không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần xử cho chị K được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Cao Thúy A, sinh ngày 09/12/2019, trong khi anh T không có ý kiến gì. Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và xem xét nguyện vọng của con cũng như điều kiện thực tế của người trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy cháu A là nữ, hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi, đồng thời kể từ khi ly thân cho đến nay cháu A do chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, cần tiếp tục giao cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh Cao Thế T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

[2.3] Về cấp dưỡng tiền nuôi con:

Quá trình làm việc chị K có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng/tháng. Nhận thấy yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị K là có căn cứ bởi lẽ chị K là người trực tiếp nuôi con, nên anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, ngoài ra mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng mà chị K đưa ra là phù hợp với mức sống tại địa phương, cũng như nhu cầu hiện tại của con. Do đó, cần buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng như yêu cầu của chị K là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt trong trường hợp quy định tại Điều 118 luật hôn nhân gia đình năm 2014. Đối với khoản tiền cấp dưỡng, chị K có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Cần buộc chị K phải chịu án phí ly hôn, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:* Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; các Điều 82, 83 và Điều 84; khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 2

Điều 2, Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14; Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Cao Thị Thúy K.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Cao Thị Thúy K được ly hôn với anh Cao Thế T.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Cao Thị Thúy K được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung Cao Thúy A, sinh ngày 09/12/2019.

Anh Cao Thế T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được ngăn cản. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3. *Về cấp dưỡng:* Anh Cao Thế T phải cấp dưỡng tiền nuôi con Cao Thúy A, sinh ngày 09/12/2019 cho chị Cao Thị Thúy K mỗi tháng là 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*). Chị K có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt khi phát sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

4. *Về án phí:* Chị Cao Thị Thúy K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009443, ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐL. Chị K đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Cao Thế T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện ĐL;
- UBND xã S, huyện ĐL;
- C.C Thi hành án DS.h. ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Đình Trường**